

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ 01/01/2023 ĐẾN 30/06/2023



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
Ông Triệu Văn Bằng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hoàng Thao	Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thúy Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Triệu Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Tài chính - Kế toán

Ông Nguyễn Tiến Thanh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 15/05/2023
Bà Phùng Ngọc Dung	Phó trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15/05/2023

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày 30/06/2023 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng: Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Hoàng Thao
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 24/08/2023, từ trang 06 đến trang 39 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được xác nhận giá trị đầu tư cũng như Báo cáo tài chính của một số khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết, đầu tư khác với giá trị 11.515.760.581 đồng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về số dư các khoản đầu tư chưa được đối chiếu, xác nhận cũng như đánh giá về giá trị thuần của các khoản đầu tư này tại ngày 30/06/2023.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận ngoại trừ

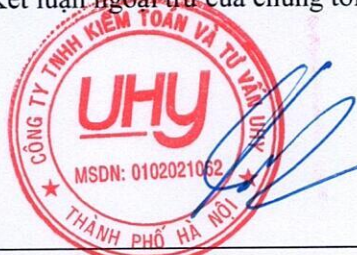
Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số 20.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định. Công ty đã lập hồ sơ và làm thủ tục này tuy nhiên Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa có ý kiến chính thức về vấn đề này.

Chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số 29 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tính đến thời điểm 30/06/2023, lỗ lũy kế của Công ty là 87.140.362.025 đồng, tại ngày này các khoản nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 166.540.461.006 đồng. Những yếu tố này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào sự hỗ trợ của các cổ đông, gia hạn thanh toán các khoản vay từ các tổ chức tín dụng, cá nhân, các khoản phải trả nhà cung cấp, triển khai đưa dự án cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội vào hoạt động, cũng như việc Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét xử lý xoá nợ lãi vay phải trả, các khoản tài trợ tài chính từ các cá nhân, tổ chức tín dụng.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/06/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.647.469.476	79.169.592.885
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	12.984.980.497	8.366.592.331
Tiền	111		12.984.980.497	8.366.592.331
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.186.849.295	64.609.591.071
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	72.443.259.814	71.856.704.265
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	17.387.687.640	14.005.533.146
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	14	500.000.000	500.000.000
Các khoản phải thu khác	136	6	37.622.910.505	33.586.019.354
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(66.767.008.664)	(55.338.665.694)
Hàng tồn kho	140	7	1.889.574.722	4.498.685.045
Hàng tồn kho	141		1.889.574.722	4.498.685.045
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.586.064.962	1.694.724.438
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	732.618.814	749.058.154
Thuế GTGT được khấu trừ	152		150.000	150.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	853.296.148	945.516.284
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		541.464.662.831	540.908.193.115
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.100.000	7.100.000
Phải thu dài hạn khác	216	6	7.100.000	7.100.000
Tài sản cố định	220		15.514.738.085	16.755.676.601
Tài sản cố định hữu hình	221	10	15.373.723.085	16.598.596.601
- Nguyên giá	222		88.892.147.858	88.691.467.858
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.518.424.773)	(72.092.871.257)
Tài sản cố định vô hình	227	9	141.015.000	157.080.000
- Nguyên giá	228		553.050.000	553.050.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(412.035.000)	(395.970.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		244.149.685.150	242.397.051.234
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	244.149.685.150	242.397.051.234
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	278.572.248.789	278.573.959.586
Đầu tư vào công ty con	251		88.726.118.885	88.726.118.885
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		31.629.760.581	31.629.760.581
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		159.358.838.563	159.360.549.360
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.142.469.240)	(1.142.469.240)
Tài sản dài hạn khác	260		3.220.890.807	3.174.405.694
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	3.220.890.807	3.174.405.694
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		619.112.132.307	620.077.786.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		346.252.494.332	337.430.563.650
Nợ ngắn hạn	310		244.187.930.482	235.381.238.310
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.257.538.259	4.927.471.723
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.257.403.566	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	5.780.491.494	29.611.122
Phải trả người lao động	314		1.545.021.382	3.258.045.475
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.582.365.039	3.610.315.731
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	129.429.811.403	129.520.494.920
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	93.306.448.451	94.006.448.451
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.850.888	28.850.888
Nợ dài hạn	330		102.064.563.850	102.049.325.340
Phải trả người bán dài hạn	331	15	42.262.846.650	42.227.256.884
Phải trả dài hạn khác	337	18	59.150.133.875	59.058.785.129
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	651.583.325	763.283.327
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		272.859.637.975	282.647.222.350
Vốn chủ sở hữu	410	20	272.859.637.975	282.647.222.350
Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.000.000.000	360.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.000.000.000	360.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(87.140.362.025)	(77.352.777.650)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(77.352.777.650)	(58.390.864.255)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(9.787.584.375)	(18.961.913.395)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		619.112.132.307	620.077.786.000

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Ban Tài chính - Kế toán

Tổng Giám đốc



Lê Văn Hoan

Phùng Ngọc Dung

Vũ Hoàng Thao

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	58.503.088.995	89.552.236.074
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		58.503.088.995	89.552.236.074
Giá vốn hàng bán	11	23	51.935.516.218	81.624.595.466
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.567.572.777	7.927.640.608
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.271.463.084	1.453.074.143
Chi phí tài chính	22	25	2.078.212.839	2.987.192.596
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.042.623.073	2.105.769.357
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	17.354.528.018	12.999.498.461
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.593.704.996)	(6.605.976.306)
Thu nhập khác	31		13.902	27.144.065
Chi phí khác	32	26	193.893.281	35.205.081
Lợi nhuận khác	40		(193.879.379)	(8.061.016)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(9.787.584.375)	(6.614.037.322)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(9.787.584.375)	(6.614.037.322)

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Lê Văn Hoan

Ban Tài chính - Kế toán

Phùng Ngọc Dung

Tổng Giám đốc



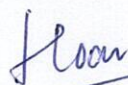
Vũ Hoàng Thao

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		63.600.759.520	107.736.630.992
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(44.143.928.160)	(108.067.212.664)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.545.286.231)	(8.311.277.253)
Tiền lãi vay đã trả	04		(935.351.054)	(568.030.804)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.003.819.390	42.424.739.512
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.498.446.816)	(31.189.229.484)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.481.566.649	2.025.620.299
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(317.794.530)	(3.209.019.349)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	564.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(5.970.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	372.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.266.316.049	2.646.480.431
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.948.521.519	(6.159.974.918)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		10.500.000.000	14.217.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(11.311.700.002)	(2.518.616.667)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(811.700.002)	11.698.383.333
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		4.618.388.166	7.564.028.714
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.366.592.331	6.622.232.154
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(453.961)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	12.984.980.497	14.185.806.907

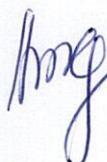
Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



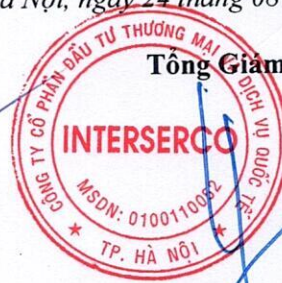
Lê Văn Hoan

Ban Tài chính - Kế toán



Phùng Ngọc Dung

Tổng Giám đốc




Vũ Hoàng Thao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (tiền thân là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) - (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 218/2005/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 18/12/2015, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành quyết định số 6988/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được hoạt động và thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 01 tháng 12 năm 2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Tên tiếng anh: INTERNATIONAL INVESTMENT TRADE AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY.

Tên công ty viết tắt: INTERSERCO.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của công ty: 360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).

Đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Tiến Toàn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Hoàng Thao - Tổng Giám đốc

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty kinh doanh trên lĩnh vực thương mại, dịch vụ, xây lắp.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
Chi tiết: kinh doanh dịch vụ logistics;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh. Kinh doanh bán hàng miễn thuế;
Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất giày dép;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Cửa, xe, bèo gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻ bện;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì giấy và bìa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

- In ấn;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ ăn uống khác;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Công thông tin;
(Trừ hoạt động báo tri).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Hoạt động các đại lý và môi giới bảo hiểm;
Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp;
Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao - không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật khác có liên quan;
- Quảng cáo;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Hoạt động các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.
Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Kinh doanh, chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Chi tiết: kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không bao gồm kim loại quý, đá quý);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không bao gồm lúa gạo, thuốc lá và xì gà);
- Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì (không bao gồm lúa gạo);
- Bán buôn thực phẩm (không bao gồm đường mía, đường củ cải);
- Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ kinh doanh thông thường là dưới 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Đơn vị

A. Các Công ty con

1. Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây
2. Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình
3. Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế
4. Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam
5. Công ty TNHH Logistics Interserco - Vật cách (sở hữu gián tiếp)

B. Các Công ty liên doanh, liên kết

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế
2. Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế
3. Công ty May Liên doanh Plummy
4. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam
5. Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp
6. Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Trên Báo cáo tài chính riêng, Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ các Công ty này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Một số tài sản được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 31/12/2014 và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội theo quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Tài sản cố định khác	04 - 25

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và phần mềm kiểm soát bãi đỗ xe. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Phần mềm máy vi tính	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định và các khoản chi phí khác được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng theo phương pháp đường thẳng theo các qui định kế toán hiện hành. Các chi phí trả trước dài hạn khác có thời gian phân bổ không quá 03 năm.

3.11 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay. Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo Quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tổng số cổ phần 36.000.000, mệnh giá cổ phần 10.000 VND/cổ phần. Theo Quyết định số 6955/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế. Trong đó, phần vốn Nhà nước do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội trực tiếp quản lý chiếm 45% vốn điều lệ, phần vốn của các cổ đông khác chiếm 55% vốn điều lệ.

3.16 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

3.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.19 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	1.254.423.944	646.405.285
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.730.556.553	7.720.187.046
	12.984.980.497	8.366.592.331

5 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn (*)	72.443.259.814	53.945.721.942	71.856.704.265	42.939.544.529
- Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Xuất nhập khẩu Thiện Tài	24.353.472.000	24.353.472.000	24.353.472.000	24.353.472.000
- Công ty Cổ phần Măng gan Chiến Thắng	13.228.342.970	13.228.342.970	13.328.342.970	1.500.000.000
- XNXD3 - Tổng công ty Đầu tư và PT hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	6.440.269.832	6.440.269.832	6.440.269.832	6.440.269.832
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện máy Việt Long	6.268.373.827	6.268.373.827	6.308.373.827	6.308.373.827
- Công ty CP Vật tư Nông nghiệp II Đà Nẵng	7.379.278.200	-	8.846.040.000	-
- CTCP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	2.169.246.012	-	2.528.923.998	-
- Công ty TNHH ITV Khai thác chế biến Khoáng sản Nam Vương	1.037.862.545	1.037.862.545	1.037.862.545	1.037.862.545
- MAERSK A/S	1.692.911.000	-	357.210.000	-
- Công ty CP Interserco - CB	1.489.465.753	1.489.465.753	1.489.465.753	1.489.465.753
- Các khách hàng khác	8.384.037.675	1.127.935.015	7.166.743.340	1.810.100.572
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	2.729.788.235	-	2.531.669.682	-
- Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	478.693.012	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	22.272.206	-	-	-
- CTCP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	2.169.246.012	-	2.528.923.998	-
- Công ty CP Chuỗi cung ứng Liên Hợp	6.777.005	-	2.745.684	-
- Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	52.800.000	-	-	-

(*) Trong đó: Theo Biên bản bàn giao Doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sang Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế ngày 12/02/2018, các khoản phải thu khách hàng nhận bàn giao từ DNNN sang Công ty Cổ phần là 55.164.854.194 đồng (số đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2023 là 53.945.721.942 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6 PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn (*)	37.622.910.505	6.802.687.192	33.586.019.354	6.880.521.635
- Phải thu khác	9.911.362.862	6.802.687.192	8.533.615.699	6.880.521.635
+ Ông Trịnh Quang Chiển	3.560.333.333	3.560.333.333	3.560.333.333	3.560.333.333
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	693.019.722	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	956.254.163	-	750.730.349	-
+ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đồng Gia Phát	2.816.668.586	2.816.668.586	2.816.668.586	2.816.668.586
+ Các đối tượng khác	1.885.087.058	425.685.273	1.405.883.431	503.519.716
- Ký cược, ký quỹ	55.000.000	-	46.000.000	-
- Các khoản tạm ứng	27.656.547.643	-	25.006.403.655	-
b. Dài hạn	7.100.000	-	7.100.000	-
- Ký cược, ký quỹ	7.100.000	-	7.100.000	-
	37.630.010.505	6.802.687.192	33.593.119.354	6.880.521.635
c. Phải thu khác là các bên liên quan	1.649.273.885	-	750.730.349	-
- Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	956.254.163	-	750.730.349	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	693.019.722	-	-	-

(*) Trong đó: Theo Biên bản bàn giao Doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sang Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế ngày 12/02/2018, các khoản phải thu khác nhận bàn giao từ DNNN sang Công ty Cổ phần là 6.377.001.919 đồng.

7 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.667.935.120	-	1.613.769.632	-
- Hàng hóa đang đi đường	-	-	2.636.530.000	-
- Hàng hoá	221.639.602	-	248.385.413	-
	1.889.574.722	-	4.498.685.045	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	732.618.814	749.058.154
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	732.618.814	749.058.154
b. Chi phí trả trước dài hạn	3.220.890.807	3.174.405.694
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	973.986.260	761.207.909
- Chi phí giới thiệu cảng ICD Mỹ Đình	811.394.957	811.394.957
- Chi phí đền bù hoa màu	266.473.173	272.005.485
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.169.036.417	1.329.797.343
	3.953.509.621	3.923.463.848

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
01/01/2023	553.050.000	553.050.000
30/06/2023	553.050.000	553.050.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2023	395.970.000	395.970.000
- Khấu hao trong kỳ	16.065.000	16.065.000
30/06/2023	412.035.000	412.035.000
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
01/01/2023	157.080.000	157.080.000
30/06/2023	141.015.000	141.015.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2023	79.615.345.308	2.789.549.025	5.446.474.498	418.034.058	422.064.969	88.691.467.858
- Mua trong kỳ	-	-	130.000.000	70.680.000	-	200.680.000
30/06/2023	<u>79.615.345.308</u>	<u>2.789.549.025</u>	<u>5.576.474.498</u>	<u>488.714.058</u>	<u>422.064.969</u>	<u>88.892.147.858</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2023	66.595.780.593	1.843.946.931	3.266.103.614	203.392.527	183.647.592	72.092.871.257
- Khấu hao trong kỳ	960.384.204	140.415.786	259.334.888	55.927.016	9.491.622	1.425.553.516
30/06/2023	<u>67.556.164.797</u>	<u>1.984.362.717</u>	<u>3.525.438.502</u>	<u>259.319.543</u>	<u>193.139.214</u>	<u>73.518.424.773</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2023	<u>13.019.564.715</u>	<u>945.602.094</u>	<u>2.180.370.884</u>	<u>214.641.531</u>	<u>238.417.377</u>	<u>16.598.596.601</u>
30/06/2023	<u>12.059.180.511</u>	<u>805.186.308</u>	<u>2.051.035.996</u>	<u>229.394.515</u>	<u>228.925.755</u>	<u>15.373.723.085</u>

Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2023 là 56.999.047.519 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn (*)	17.387.687.640	14.005.533.146
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hà Nội	5.336.785.750	5.336.785.750
- KVN INVESTMENT LLC	4.722.879.570	4.722.879.570
- CTCP tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam	1.203.742.500	1.203.742.500
- ALGOR S.R.L	2.111.475.983	-
- Đối tượng khác	4.012.803.837	2.742.125.326
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
	17.387.687.640	14.005.533.146

(*) Trong đó: Theo Biên bản bàn giao Doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sang Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế ngày 12/02/2018, các khoản trả trước cho người bán nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần là 5.630.756.713 đồng.

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Dự án Đầu tư xây dựng cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội (*)	242.185.158.511	240.432.524.595
- Dự án Đầu tư Xây dựng Trung tâm Logistics tại Trà Lĩnh, Cao Bằng	1.964.526.639	1.964.526.639
	244.149.685.150	242.397.051.234

(*) Dự án Đầu tư xây dựng cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội được khởi công xây dựng vào tháng 02 năm 2017 với Tổng mức đầu tư được phê duyệt là 1.598.494.510.000 đồng. Thời gian thực hiện dự án dự kiến từ tháng 02/2017 đến Quý 4/2023. Đến thời điểm 30/06/2023, Dự án vẫn đang trong quá trình thực hiện đầu tư.

13 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	88.726.118.885	-	88.726.118.885	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	31.629.760.581	1.142.469.240	31.629.760.581	1.142.469.240
Đầu tư vào đơn vị khác	159.358.838.563	-	159.360.549.360	-
	279.714.718.029	1.142.469.240	279.716.428.826	1.142.469.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin về các khoản đầu tư vào Công ty con

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	15.300.000.000	-	15.300.000.000	-
- Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	18.673.724.750	-	18.673.724.750	-
- Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế	15.300.000.000	-	15.300.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	39.452.394.135	-	39.452.394.135	-
	88.726.118.885	-	88.726.118.885	-

Thông tin về các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	754.000.000	-	754.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế	9.594.973.518	-	9.594.973.518	-
- Công ty Máy liên doanh Plummy	3.920.787.063	-	3.920.787.063	-
- Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp	9.800.000.000	-	9.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	3.060.000.000	1.142.469.240	3.060.000.000	1.142.469.240
- Trường Trung cấp Nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
	31.629.760.581	1.142.469.240	31.629.760.581	1.142.469.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin về các khoản đầu tư vào đơn vị khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không (1)	43.719.756.997	-	43.719.756.997	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG (2)	4.639.659.158	-	4.639.659.158	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sừ Pán 1	22.632.000.000	-	22.632.000.000	-
- Công ty Cổ phần chứng khoán phố Wall	-	-	745.708	-
- Công ty Cổ phần chứng khoán Guotai Junan	880.310	-	894.099	-
- Công ty TNHH chứng khoán NHTMCP Ngoại thương	1.242.098	-	2.193.398	-
- Công ty Cổ phần logistics Quốc tế Tây Ninh	82.500.000.000	-	82.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	5.865.300.000	-	5.865.300.000	-
	159.358.838.563	-	159.360.549.360	-

(1) Theo thông báo số 08/TB-ALS ngày 07/06/2019 của Công ty Cổ phần Logistics Hàng không về việc chi trả cổ tức trong năm 2019, Công ty được nhận cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 20% số cổ phần sở hữu. Ngày 29/12/2019, Công ty được quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo tỷ lệ chuyển đổi 50%. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/ALS ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Logistics Hàng không về việc chi trả cổ tức năm 2020, Công ty được nhận cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 12% số cổ phần sở hữu. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/ALS ngày 24/06/2023 của Công ty Cổ phần Logistics Hàng không về việc chi trả cổ tức năm 2021, Công ty được nhận cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10% số cổ phần sở hữu. Như vậy, đến thời điểm 30/06/2023, số cổ phiếu của Công ty tại Công ty Cổ phần Logistics Hàng không là 5.601.484 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu.

(2) Theo thông báo số 08/2018/ASG ngày 15/02/2018 của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG về việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, Công ty được quyền nhận Cổ phiếu thưởng với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:70. Theo thông báo số 08/2019/ASG về việc chuyển đổi đợt 1 trái phiếu chuyển đổi ASG_BOND_2018, Công ty được quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo tỷ lệ chuyển đổi 50%. Theo thông báo số 16/2020/ASG ngày 17/02/2020 về việc chuyển đổi đợt 2 trái phiếu chuyển đổi ASG_BOND_2018 và chi trả trái tức, Công ty được quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo tỷ lệ chuyển đổi 50%.

Theo thông báo số 23/2020/ASG ngày 20/02/2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG về việc đăng ký đặt mua, chuyển nhượng quyền mua, nộp tiền mua cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu năm 2019, Công ty được quyền mua cổ phần theo tỷ lệ 100:15. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/ASG ngày 26/04/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG về việc chi trả cổ tức năm 2020, Công ty được nhận cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 20% số cổ phần sở hữu. Tại thời điểm 30/06/2023, số cổ phiếu của Công ty tại Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG là 709.552 Cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
+ Công ty Cổ phần INTERSERCO VCI	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
<i>Thông tin bổ sung về các khoản cho vay ngắn hạn:</i>				
Các khoản cho vay	Ngày hợp đồng	Thời gian tồn đọng	Tình trạng thu hồi	
+ Công ty Cổ phần INTERSERCO VCI	20/04/2017	>3 năm	Chưa thu hồi được	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	6.257.538.259	6.257.538.259	4.927.471.723	4.927.471.723
- Công ty cổ phần Interserco Mỹ Đình	454.575.000	454.575.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	1.242.880.250	1.242.880.250	1.242.880.250	1.242.880.250
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	957.550.000	957.550.000	1.395.009.000	1.395.009.000
- CN Công ty CP Hàng hải Đông Đô tại Hải Phòng	819.379.000	819.379.000	641.578.320	641.578.320
- Các đối tượng khác	2.783.154.009	2.783.154.009	1.648.004.153	1.648.004.153
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	42.262.846.650	42.262.846.650	42.227.256.884	42.227.256.884
- Công ty Glorious (Singapore) Pte Ltd	37.922.296.650	37.922.296.650	37.890.362.084	37.890.362.084
- Công ty TNHH Changlin	4.340.550.000	4.340.550.000	4.336.894.800	4.336.894.800
	48.520.384.909	48.520.384.909	47.154.728.607	47.154.728.607
c. Phải trả người bán là các bên liên quan	1.697.455.250	1.697.455.250	1.242.880.250	1.242.880.250
- Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	1.242.880.250	1.242.880.250	1.242.880.250	1.242.880.250
- Công ty cổ phần Interserco Mỹ Đình	454.575.000	454.575.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	29.611.122	1.146.348.334	358.114.994	817.844.462
- Thuế xuất, nhập khẩu	(37.758.123)	-	-	(37.758.123)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(815.538.025)	-	-	(815.538.025)
- Thuế thu nhập cá nhân	-	447.676.454	381.158.392	66.518.062
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(92.220.136)	5.553.518.454	565.169.348	4.896.128.970
- Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
	(915.905.162)	7.152.543.242	1.309.442.734	4.927.195.346
Trong đó:				
Phải nộp	29.611.122			5.780.491.494
Phải thu	945.516.284			853.296.148

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	5.582.365.039	3.610.315.731
- Lãi vay phải trả	5.376.353.466	3.418.591.569
- Các khoản trích trước khác	206.011.573	191.724.162

18 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a. Ngắn hạn	129.429.811.403	129.520.494.920
- Kinh phí công đoàn	86.050.170	42.146.550
- Bảo hiểm xã hội	61.320	-
- Tiền hợp tác kinh doanh	7.000.000.000	7.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	4.000.000.000	4.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	122.343.699.913	122.478.348.370
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam (*)	45.203.127.617	45.203.127.617
+ Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không (*)	35.493.704.528	35.493.704.528
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (*)	3.114.611.124	3.114.611.124
+ Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình (*)	11.307.344.849	11.307.344.849
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (**)	25.481.077.208	25.481.077.208
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông (**)	189.545.619	189.545.619
+ Đối tượng khác	1.554.288.968	1.688.937.425
b. Dài hạn	59.150.133.875	59.058.785.129
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	59.150.133.875	59.058.785.129
c. Phải trả khác là các bên liên quan	99.004.176.994	99.004.176.994
+ Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	15.307.344.849	15.307.344.849
+ Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không	35.493.704.528	35.493.704.528
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	48.203.127.617	48.203.127.617

(*): Theo Công văn số 2998/STC-TCDN ngày 30/05/2016 của Sở Tài chính Hà Nội và Công văn số 3580/UBND-KT ngày 15/06/2016 của UBND Thành phố Hà Nội quy định Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế có trách nhiệm:

- Thực hiện quản lý, hạch toán và sử dụng đúng mục đích số tiền 145.218.105.584 VND (sau khi trừ đi giá trị tài sản để góp vốn vào Công ty Cổ phần là nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất là 34.781.894.416 VND) do các đối tác hỗ trợ chi phí di dời, bồi thường và lợi thế khai thác tài sản trên đất khi thực hiện dự án số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định. Trong đó, giá trị bồi thường và chi phí hỗ trợ di dời đối với các Công ty đang kinh doanh khai thác tại khu đất 17 Phạm Hùng, Hà Nội cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)

Nội dung	Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (1)	Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam
Bồi thường nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất	7.259.393.491		20.966.179.815	42.358.640.054
Bồi thường về các khoản chi phí đầu tư thêm	120.695.567		300.318.435	1.495.035.156
Bồi thường do vi phạm hợp đồng			3.250.320.000	
Chi phí hỗ trợ di dời	3.927.255.791	3.114.611.124	10.976.886.278	1.349.462.407
Cộng	11.307.344.849	3.114.611.124	35.493.704.528	45.203.127.617

(1) Đây là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sau khi đã chính thức trở thành Công ty Cổ phần.

(**) Xem thuyết minh số 20.1 phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay và nợ ngắn hạn	93.306.448.451	93.306.448.451	10.500.000.000	11.200.000.000	94.006.448.451	94.006.448.451
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>93.083.048.447</i>	<i>93.083.048.447</i>	<i>10.500.000.000</i>	<i>11.200.000.000</i>	<i>93.783.048.447</i>	<i>93.783.048.447</i>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Đông (1)	499.953.917	499.953.917	-	-	499.953.917	499.953.917
- Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế (2)	2.800.000.000	2.800.000.000	-	700.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
- Trung tâm Mỹ thuật và Phát triển văn hóa	192.101.379	192.101.379	-	-	192.101.379	192.101.379
- Bà Vũ Bích Ngọc	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ông Nguyễn Minh Tuấn (3)	76.090.993.151	76.090.993.151	-	-	76.090.993.151	76.090.993.151
- Bà Vũ Thị Hải Hà	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
- Bà Đào Thị Kim Oanh (4)	3.500.000.000	3.500.000.000	500.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
- Bà Phạm Thị Mai Phương (5)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>223.400.004</i>	<i>223.400.004</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>223.400.004</i>	<i>223.400.004</i>
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (6)	223.400.004	223.400.004	-	-	223.400.004	223.400.004
Vay và nợ dài hạn	651.583.325	651.583.325	-	111.700.002	763.283.327	763.283.327
<i>Vay dài hạn</i>	<i>651.583.325</i>	<i>651.583.325</i>	<i>-</i>	<i>111.700.002</i>	<i>763.283.327</i>	<i>763.283.327</i>
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (6)	651.583.325	651.583.325	-	111.700.002	763.283.327	763.283.327

(1) Là số tiền nợ gốc của Xí nghiệp Tư tằm Đan Hoài (năm 1997 bàn giao nguyên trạng sang Công ty Giấy Hà Tây, nay bàn giao sang Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây (nay là Chi nhánh Hà Đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển) mục đích vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

(2) Là khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 08/2018/ILS-ILSM ngày 25/12/2018 và Phụ lục hợp đồng vay tiền số 03/2019/PLHĐVV/ILS-ILSM ngày 05/07/2019, giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế. Theo đó hạn mức cho vay tối đa là 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày ILS nhận được tiền vay, khoản vay này sẽ được tự động gia hạn nếu ILS chưa thực hiện thanh toán khoản vay cho ILSM, lãi suất khoản vay là 7%/năm. Giá trị gốc khoản vay tại ngày 30/06/2023 là 3.500.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(3) Là khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 06/2021/HĐVV/ILS-NMT ngày 10/03/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và ông Nguyễn Minh Tuấn, số tiền vay 74.250.000.000 đồng, lãi suất 5%/năm. Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày nhận được tiền. Bên vay có thể thanh toán khoản vay trước hạn, ngày kết thúc thời hạn vay được căn cứ vào chứng từ trả tiền (Ủy nhiệm chi/phiếu chi). Phụ lục số 01 ngày 10/09/2021 của hợp đồng vay tiền số 06/2021/HĐVV/ILS-NMT gia hạn thời gian vay 6 tháng kể từ ngày 10/09/2021 và sẽ tự động gia hạn nếu như hai bên không ký thanh lý hợp đồng. Phụ lục số 02 ngày 10/03/2023 của hợp đồng vay tiền số 06/2021/HĐVV/ILS-NMT gộp lãi vay vào gốc và từ 10/3/2023 gốc vay mới là 76.090.993.151 đồng.

(4) Là khoản vay theo hợp đồng vay tiền số 08/2021/HĐVV/ILS-ĐTKO ngày 31/08/2021 của ILS với người cho vay là bà Đào Thị Kim Oanh, số tiền vay 3.000.000.000 đồng, lãi suất 6%/năm, thời hạn 03 tháng kể từ ngày ILS nhận được tiền. Mục đích khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tại ngày đáo hạn nếu hai bên không thanh lý hợp đồng, hợp đồng này sẽ tự động gia hạn thêm. Giá trị gốc khoản vay tại ngày 30/06/2023 là 2.500.000.000 đồng.

Là khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 04/2022/HĐVV/ILS-ĐTKO ngày 21/03/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Bà Đào Thị Kim Oanh, số tiền vay 500.000.000 đồng, lãi suất 7%/năm, thời hạn 06 tháng kể từ ngày ILS nhận được tiền. Mục đích khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tại ngày đáo hạn nếu hai bên không thanh lý hợp đồng, hợp đồng này sẽ tự động gia hạn thêm 6 tháng.

Là khoản vay theo phụ lục số 01 hợp đồng vay vốn số 06/2022/HĐVV/ILS-ĐTKO ngày 18/01/2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Bà Đào Thị Kim Oanh, số tiền vay 500.000.000 đồng, lãi suất 7%/năm, thời hạn 06 tháng kể từ ngày ILS nhận được tiền. Mục đích khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tại ngày đáo hạn nếu hai bên không thanh lý hợp đồng, hợp đồng này sẽ tự động gia hạn thêm 6 tháng.

(5) Là khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2023/HĐVV/ILS-PTMP ngày 04/04/2023 và Phụ lục Hợp đồng vay tiền số 01/2023/HĐVV/ILS-PTMP ngày 27/06/2023, giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và bà Phạm Thị Mai Phương. Theo đó số tiền vay là 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay kể từ ngày nhận được tiền vay đến ngày 27/06/2023, khoản vay sẽ tự động gia hạn thêm 03 tháng nếu tại ngày đáo hạn, hai bên không ký thanh lý hợp đồng, lãi suất ban đầu của khoản vay và lần điều chỉnh theo Phụ lục 01/2023/HĐVV/ILS-PTMP lần lượt là 15,5%/năm và 15%/năm.

(6) Theo hợp đồng tín dụng số 817900011095 ngày 17/05/2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng - Phòng giao dịch Mỹ Đình, số tiền vay 1.117.000.000 đồng, lãi suất cố định 7,5%/năm. Thời hạn vay 5 năm, kể từ ngày 17/05/2023 đến ngày 17/05/2027, mục đích khoản vay là để mua xe ô tô theo HĐMB số 0803-03/2023/HĐMB-TG. Tài sản đảm bảo là xe ô tô 7 chỗ Everest Ford màu ghi xám mang biển kiểm soát số 30H-706.52 có giá trị 1.397.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2022	360.000.000.000	(58.390.864.255)	301.609.135.745
- Lỗ trong kỳ	-	(18.961.913.395)	(18.961.913.395)
31/12/2022	360.000.000.000	(77.352.777.650)	282.647.222.350
01/01/2023	360.000.000.000	(77.352.777.650)	282.647.222.350
- Lỗ trong kỳ	-	(9.787.584.375)	(9.787.584.375)
30/06/2023	360.000.000.000	(87.140.362.025)	272.859.637.975

(*) Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định. Công ty đã lập hồ sơ và làm thủ tục này tuy nhiên Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam giải quyết chưa có ý kiến chính thức về vấn đề này.

20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2023		01/01/2023	
	Tổng số vốn đã góp	Tỷ lệ vốn góp	Tổng số vốn đã góp	Tỷ lệ vốn góp
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	162.000.000.000	45,00%	162.000.000.000	45,00%
Vốn góp các đối tượng khác	198.000.000.000	55,00%	198.000.000.000	55,00%
+ Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	97.200.000.000	27,00%	97.200.000.000	27,00%
+ Đối tượng khác	100.800.000.000	28,00%	100.800.000.000	28,00%
	360.000.000.000	100,00%	360.000.000.000	100,00%

20.3 BIẾN ĐỘNG VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
+ Vốn góp đầu kỳ	360.000.000.000	360.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	360.000.000.000	360.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2023	01/01/2023
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	36.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	30/06/2023	01/01/2023
- Đô la Mỹ (USD)	1.966,96	1.980,16
- Yên Nhật (JPY)	25.687,00	26.413,00

22 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
	đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
	VND	VND
Doanh thu	58.503.088.995	89.552.236.074
- Doanh thu bán hàng hóa	18.409.069.000	46.327.092.720
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.094.019.995	43.225.143.354
Doanh thu với các bên liên quan	Mối quan hệ	813.339.519
+ Công ty CP Interserco Mỹ Đình	Công ty con	435.175.466
+ Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp	Công ty liên kết	8.470.480
+ Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế	Công ty con	120.000.000
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty con	167.945.033
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết	33.748.540
+ Công ty CP Cảng Sơn Tây	Công ty con	48.000.000
		25.296.580
		-

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
	đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	18.178.057.275	45.403.238.181
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	33.757.458.943	36.221.357.285
	51.935.516.218	81.624.595.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.725.912	7.496.023
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.145.172	517.110
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.260.592.000	1.444.750.000
- Trái tức từ trái phiếu chuyển đổi của ALS	-	311.010
	3.271.463.084	1.453.074.143

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Chi phí lãi vay	2.042.623.073	2.105.769.357
- Lỗ tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	35.589.766	881.300.659
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	122.580
	2.078.212.839	2.987.192.596

26 CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Tiền phạt vi phạm hành chính, thuế	-	220.231
- Bồi thường, bị phạt	184.891.092	-
- Các khoản chi phí khác	9.002.189	34.984.850
	193.893.281	35.205.081

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	4.080.733.268	3.960.204.977
- Chi phí đồ dùng văn phòng	67.214.536	68.265.882
- Chi phí khấu hao TSCĐ	159.742.722	194.384.740
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	38.018.984	25.678.555
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	582.822.332	466.529.494
- Hoàn nhập dự phòng nợ thu khó đòi	-	(190.000.000)
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	11.428.342.970	7.306.041.600
- Chi phí bằng tiền khác	780.430.085	1.168.393.213
- Chi phí sửa chữa TSCĐ, phân bổ CCDC	217.223.121	-
	17.354.528.018	12.999.498.461

28 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

28.1 THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Tổng thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	1.648.740.000	1.580.388.000
- Thù lao của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	204.000.000	216.000.000
- Lương, thưởng của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	1.444.740.000	1.364.388.000

28.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

		Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Mua hàng từ bên liên quan	Mối quan hệ	415.190.909	249.657.092
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty con	1.940.909	143.219.031
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	413.250.000	106.438.061
Cổ tức, lợi nhuận được chia	Mối quan hệ	459.850.000	1.444.750.000
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	850.000	679.750.000
Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế	Công ty con	-	765.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	Công ty con	459.000.000	-
Trả vốn vay	Mối quan hệ	700.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế	Công ty con	700.000.000	500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

28.3 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

		30/06/2023	01/01/2023
		VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Mối quan hệ	2.800.000.000	3.500.000.000
Công ty CP Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế	Công ty con	2.800.000.000	3.500.000.000

29 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tính đến thời điểm 30/06/2023 lỗ lũy kế của Công ty là 87.140.362.025 đồng, tại ngày này các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 166.540.461.006 đồng. Những yếu tố này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào sự hỗ trợ của các cổ đông, gia hạn thanh toán các khoản vay từ các tổ chức tín dụng, cá nhân, các khoản phải trả nhà cung cấp, triển khai đưa dự án cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội vào hoạt động, cũng như việc Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét xử lý xoá nợ lãi vay phải trả được trình bày tại thuyết minh số 20.1, các khoản tài trợ tài chính từ các cá nhân, tổ chức tín dụng. Báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục do Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng vào việc triển khai thành công các kế hoạch của Công ty trong tương lai.

30 CÁC THÔNG TIN KHÁC

Theo hợp đồng nguyên tắc hợp tác liên doanh số 09/2011/HĐLD/AZ-INTERSERCO ngày 30/03/2011 được ký giữa công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Bên B) và Công ty Cổ phần bất động sản AZ (Bên A) và bà Phạm Thị Hạnh (Bên C), các Bên thống nhất cùng nhau thành lập một công ty để tiến hành các thủ tục xin phép dự án đầu tư, xây dựng và quản lý dự án Tổ hợp thương mại và căn hộ cao cấp City Of Dreams trên khu đất khoảng 38.000 m² tại 17 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội. Phụ thuộc vào việc sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp nhận chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất và lập dự án đầu tư tại 17, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, các Bên sẽ góp phần thành lập công ty cổ phần và lập dự án đầu tư tại địa chỉ nói trên.

Theo đó, Bên A và Bên C chịu trách nhiệm lập dự án, hoàn thiện các thủ tục theo quy định và trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi dự án được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, Bên B phải hoàn thành lập dự án chi tiết việc di dời cảng ICD ra ngoài vành đai 4 (tại Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội).

Theo tiến độ thực hiện dự án, dự kiến sẽ tiến hành thi công dự án theo lộ trình từng phần phù hợp với mặt bằng đã được di chuyển hoàn tất, bắt đầu từ tháng 12 năm 2012. Theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 06/03/2016, Bên C đã được chuyển thành bà Tạ Thị Thuý Trang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Theo văn bản số 3580/UBND-KT ngày 15/6/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Sau khi xem xét, UBND thành phố có ý kiến như sau: Chấp thuận đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2998/STC-TCĐN ngày 30/05/2016; cho phép Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland để thực hiện dự án Tổ hợp thương mại và căn hộ cao cấp City Of Dreams theo quy hoạch tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, với mức vốn điều lệ của công ty cổ phần là 290 tỷ đồng (hai trăm chín mươi tỷ đồng). Trong đó, Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp 26% vốn điều lệ, tương ứng 75.400.000.000 đồng (bảy mươi lăm tỷ, bốn trăm triệu đồng) bằng tài sản trên đất, giá trị lợi thế quyền khai thác tài sản trên đất tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và từ nguồn tiền do các đối tác khác bồi thường hỗ trợ”.

Theo Thông báo kết quả kiểm toán số 902/TB-KVI ngày 11/12/2018 tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Nay là Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) của Kiểm toán Nhà nước Khu vực 1 về kiểm toán chuyên đề việc xác định giá trị doanh nghiệp, thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý Nhà nước của UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2013-2017. Kiểm toán Nhà nước có kiến nghị với UBND thành phố Hà Nội liên quan đến phương án sử dụng đất chưa phù hợp, chậm triển khai:

- Xem xét điều chỉnh các quyết định phê duyệt chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất thực hiện dự án từ lâu nhưng không thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật; Xem xét điều chỉnh quyết định cho phép chuyển đổi công năng sử dụng đất từ trụ sở làm việc sang đất thương mại, dịch vụ không đúng phương án cổ phần hóa: chuyển đổi mục đích sử dụng khu đất 11.959 m² tại 17 Phạm Hùng của Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và Dịch vụ quốc tế và bổ sung chức năng sử dụng đất 2.746,9 m² tại 358 đường Láng cho Công ty CP Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế để kinh doanh dịch vụ và thương mại.
- Chỉ đạo rà soát, đàm phán hủy bỏ các hợp đồng liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư chuyển đổi mục đích sử dụng đất, liên quan đến quyền sử dụng đất thuê Nhà nước, trả tiền hàng năm không đúng quy định; Đánh giá lại năng lực các nhà đầu tư, nếu không đủ năng lực triển khai dự án thì làm việc với đối tác để chấm dứt hợp đồng giữa Công ty với Công ty Đầu tư và Thương mại Hệ thống Quản trị và bà Nguyễn Thị Nhất Thảo để triển khai dự án 11.959,5 m² tại số 17 đường Phạm Hùng từ năm 2007 đến nay vẫn chưa triển khai dự án. Thực hiện đấu thầu lựa chọn đối tác để góp vốn liên doanh, liên kết để chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đầu tư xây dựng, kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản... gắn với quyền sử dụng khu đất nhằm đảm bảo tính cạnh tranh, hiệu quả nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



Lê Văn Hoan

Ban Tài chính - Kế toán



Phùng Ngọc Dung



Tổng Giám đốc

Vũ Hoàng Thao